TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 8 - VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **43**/2025/DS-ST
Ngày: 21 - 8 - 2025.
Về việc tranh chấp: "Hợp đồng mua bán tài sản".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 8 - VĨNH LONG, TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Mỹ Duyên.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Bùi Tuấn Khanh.

Ông Đặng Hoàng Mích.

- ***Thư ký phiên Tòa****:* Ông Trần Minh Quyền – là Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 8 - Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8 - Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Cẩm Vân - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 8 năm 2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 8 - Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 91/2025/TLST-DS ngày 25 tháng 3 năm 2025 về tranh chấp *"Hợp đồng mua bán tài sản*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 22/2025/QĐXXST-DS ngày 23 tháng 7 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên Tòa số 29/2025/QĐST- DS ngày 12 tháng 8 năm 2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* **Ông Lê D**, sinh năm 1954 - Chủ hộ L

Địa điểm kinh doanh: Tổ 2, ấp A, xã D, tỉnh Vĩnh Long.

Chỗ ở hiện tại: Ấp A, xã D, tỉnh Vĩnh Long.

Người đại diện hợp pháp của ông Lê Dũng: **Anh Trần Chí T**, sinh năm 1981, địa chỉ: Ấp T, xã P, tỉnh Vĩnh Long là người đại diện theo ủy quyền của ông D. (Văn bản ủy quyền ngày 10/01/2025). (Anh T có mặt)

- *Bị đơn:* **Ông Trần Văn N (Trần Văn T)**, sinh năm 1972 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp G, xã T, tỉnh Vĩnh Long.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

Bà Phạm Thúy O, sinh năm 1973 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp G, xã T, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện đề ngày 10/01/2025, bản tự khai ngày 20/6/2025 và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên Tòa, anh Trần Chí T là đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:*

Nguyên từ năm 2010, 2011 đến cuối năm 2022 ông N có hợp đồng (miệng) với nguyên đơn để mua thức ăn, thuốc hóa chất để phục vụ nuôi tôm công nghiệp, hai bên có thỏa thuận khi nào ông N nuôi xong từng vụ tôm sẽ thanh toán dứt điểm số tiền nợ cho nguyên đơn, sau khi hai bên kết nợ lại vào ngày 12/6/2023 thì ông N có ký nhận xác nhận còn nợ nguyên đơn với tổng số tiền là: 617.975.000 đồng.

Tuy nhiên, từ ngày 12/6/2023 cho đến nay, dù đã nhiều lần liên hệ ông N, bà O để yêu cầu trả số tiền nợ trên. Nhưng ông N, bà O không thực hiện việc trả nợ mà hứa hẹn nhiều lần nhưng đến nay vẫn không trả.

Vì vậy, để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn, nay khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc ông Trần Văn N cùng vợ là bà Phạm Thúy O có nghĩa vụ liên đới trả số tiền là: 679.772.500 đồng. Trong đó gồm:

- Nợ gốc là: 617.975.000 đồng.

- Nợ lãi: Yêu cầu tính lãi chậm trả từ ngày 13/6/2023 đến khi giải quyết xong vụ án (ngày 21/8/2025) là 26 tháng 08 ngày, nhưng nay chỉ tính lãi tròn 12 tháng, theo mức lãi suất 10%/năm. Cụ thể:

617.975.000 đồng x 10%/năm x 12 tháng = 61.797.500 đồng.

- Tại phiên Tòa: Nguyên đơn vẫn giữ yêu cầu khởi kiện, không thay đổi gì.

** Tại biên bản lấy lời khai ngày 19/6/2025, bị đơn ông Trần Văn N (Trần Văn Tửng) trình bày:*

Tôi thừa nhận có mua thức ăn nuôi tôm (không mua thuốc hóa chất) của Đại lý thức ăn Kiều Lam và hiện nay còn nợ lại là: 617.975.000 đồng và tôi có ký tên nhận nợ với tên là Trần Văn Tửng.

Nay tôi đồng ý trả cho nguyên đơn số tiền nợ mua bán thức ăn tôm với vốn gốc là 617.975.000 đồng, nhưng tôi không đồng ý trả lãi suất và không đồng ý liên đới với vợ tôi là bà Phạm Thúy O để trả, vì bà O không đứng trong giấy nợ này.

** Đối với bà Phạm Thúy O là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án, đã được Toà án triệu tập hợp lệ nhưng bà O đều vắng mặt, mặc dù vẫn còn sinh sống tại địa phương, nên không thu thập được lời khai của bà.*

** Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8 - Vĩnh Long tham gia phiên Tòa phát biểu ý kiến:*

- Về tuân theo pháp luật tố tụng:

Thẩm phán, Hội đồng xét xử, người tiến hành tố tụng và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ tuân theo đúng quy định

của pháp luật. Riêng bị đơn, người liên quan vắng mặt tại phiên Tòa là không thực hiện theo quy định tại Điều 70, 72, 73 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung:

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn để buộc ông N và bà O trả cho nguyên đơn số tiền nợ gốc là 617.975.000 đồng và tính lãi suất theo quy định từ ngày 13/6/2023 đến khi giải quyết xong vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên Tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

** Về tố tụng:*

[1]. Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Trần Văn N, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phạm Thúy O đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để xét xử, nhưng ông N, bà O vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó, Tòa án xét xử vắng mặt ông N, bà O là phù hợp quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp:

Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu ông N, bà O có nghĩa vụ liên đới trả tiền nợ mua bán thức ăn nuôi trồng thủy sản (nuôi tôm) là 617.975.000 đồng và tính lãi suất. Do đó, quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án này được xác định là *"Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản"* theo quy định tại Điều 430 của Bộ luật dân sự năm 2015 và khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3]. Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Theo Đơn xin xác nhận ngày 10/01/2025, Công an xã Thạnh Trị, tỉnh Vĩnh Long xác nhận ông N, bà O có đăng ký thường trú và đang sinh sống tại ấp Rạch Gừa, xã Thạnh Trị, tỉnh Vĩnh Long. Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết theo trình tự sơ thẩm của Tòa án nhân dân khu vực 8 - Vĩnh Long.

** Về nội dung:*

- Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc ông N, bà O có nghĩa vụ liên đới trả số tiền nợ 617.975.000 đồng và tính lãi suất.

- Cơ sở chứng cứ:

+ Giấy xác nhận công nợ đề ngày 12/6/2023.

[4]. *Hội đồng xét xử xét thấy:* Theo lời khai của nguyên đơn và bị đơn trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên Tòa, đều xác định được giữa nguyên đơn và bị đơn có giao dịch mua bán thức ăn nuôi trồng thủy sản (nuôi tôm) với nhau và số nợ sau khi hai bên kết nợ lại vào ngày 12/6/2023 là 617.975.000 đồng đến nay chưa trả.

Ông N thừa nhận còn nợ nguyên đơn số tiền 617.975.000 đồng là tiền mua bán thức ăn nuôi tôm và đồng ý trả. Lời thừa nhận này là tự nguyện, phù hợp với lời khai của nguyên đơn và chứng cứ do nguyên đơn giao nộp có trong hồ sơ vụ án, cụ thể là *"Giấy xác nhận công nợ đề ngày 12/6/2023"* có chữ ký của ông N ký xác nhận nợ dưới mục người nhận nợ với tên thường gọi là Trần Văn T, được ông N thừa nhận là chữ viết và chữ ký của ông. Căn cứ vào khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự, xác định đây là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh và công nhận sự thật nêu trên.

[5]. Từ cơ sở trên, xác định được giữa nguyên đơn và ông N có quan hệ giao dịch mua bán thức ăn cho việc nuôi trồng thủy sản (nuôi tôm); được 02 bên thiết lập trên tinh thần tự nguyện, thỏa thuận bằng lời nói với nhau, không làm bằng văn bản, được xem là Hợp đồng mua bán tài sản theo quy định tại Điều 430 của Bộ luật dân sự năm 2015. Qua Hợp đồng mua bán thấy rằng, nguyên đơn đã thực hiện nghĩa vụ giao tài sản đầy đủ cho ông N; đồng thời ông N đã sử dụng hết quyền nhận tài sản, nhưng chưa thực hiện nghĩa vụ trả tiền đầy đủ cho nguyên đơn, nên nguyên đơn khởi kiện yêu cầu ông N trả số tiền nợ còn lại 617.975.000 đồng là có cơ sở và phù hợp với quy định tại Điều 280; Điều 430, 440 của Bộ luật dân sự năm 2015, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6]. Về lãi suất:

Nguyên đơn yêu cầu tính lãi suất từ ngày 13/6/2023 đến khi giải quyết xong vụ án (ngày 21/8/2025) là 26 tháng 08 ngày, nhưng nay chỉ tính lãi tròn 12 tháng, theo mức lãi suất 10%/năm, là phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 440 của Bộ luật dân sự năm 2015, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận. Cụ thể:

617.975.000 đồng x 10%/năm x 12 tháng = 61.797.500 đồng.

Ghi nhận sự tự nguyện, nguyên đơn chỉ tính lãi của 12 tháng.

- Tổng cộng vốn và lãi là: 679.772.500 đồng. Trong đó:

+ Nợ gốc: 617.975.000 đồng.

+ Nợ lãi: 61.797.500 đồng.

[7]. Xét yêu cầu buộc bà Phạm Thúy O có nghĩa vụ liên đới trả nợ:

Hội đồng xét xử xét thấy: Căn cứ theo Biên bản xác minh tại chính quyền địa phương, xác định giữa ông N và bà O có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Phú Long theo giấy chứng nhận kết hôn số 221/1998 ngày 01/01/1998, nên ông N và bà O là vợ chồng hợp pháp. Đồng thời ông N thừa nhận, mục đích mua thức ăn nuôi tôm của Đại lý thức ăn Kiều Lam để phục vụ kinh tế trong gia đình; mặc dù nay ông không đồng ý để bà O liên đới trả nợ, vì cho rằng bà O không ký nợ trong này.

Tuy nhiên, nợ chung này phát sinh trong thời kỳ hôn nhân và nhằm phục vụ kinh tế trong gia đình, nên buộc bà O có nghĩa vụ liên đới trả nợ là có căn cứ và phù hợp với quy định tại Điều 27, 30, khoản 2 Điều 37 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8]. Đối với lời trình bày của Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 8 - Vĩnh Long về quan điểm giải quyết vụ án: Phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[9]. Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận toàn bộ, nên bị đơn phải chịu án phí của số tiền 679.772.500 đồng là:

679.772.500 đồng = 20.000.000 đồng + (4% x 279.772.500 đồng)

= 31.190.900 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 430, 440, 280 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 27, 30, khoản 2 Điều 37 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228; khoản 2 Điều 92; khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê D - Chủ hộ L đối với ông Trần Văn N (Trần Văn T) và bà Phạm Thúy O về việc "*Tranh chấp Hợp đồng mua bán tài sản*".

2. Buộc ông Trần Văn N (Trần Văn T) và bà Phạm Thúy O phải có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Lê D - Chủ hộ L số tiền nợ mua bán thức ăn nuôi trồng thủy sản (nuôi tôm) là 679.772.500 đồng (Sáu trăm bảy mươi chín triệu, bảy trăm bảy mươi hai nghìn, năm trăm đồng). Trong đó:

+ Nợ gốc: 617.975.000 đồng (Sáu trăm mười bảy triệu, chín trăm bảy mươi lăm nghìn đồng).

+ Nợ lãi: 61.797.500 đồng (Sáu mươi mốt triệu, bảy trăm chín mươi bảy nghìn, năm trăm đồng).

3. Về nghĩa vụ chậm thi hành án:

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành

án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

4.1. Ông Trần Văn N (Trần Văn T) và bà Phạm Thúy O phải có nghĩa vụ liên đới chịu là 31.190.900 đồng (Ba mươi mốt triệu, một trăm chín mươi nghìn, chín trăm đồng).

4.2. Ông Lê D - Chủ hộ L được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 16.206.000 đồng (Mười sáu triệu, hai trăm lẻ sáu nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0011165 ngày 25 tháng 3 năm 2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre (nay là phòng Thi hành án dân sự khu vực 8 - Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long).

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án. Đối với ông Trần Văn N (Trần Văn T) và bà Phạm Thúy O vắng mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND khu vực 8 - Vĩnh Long;
- Phòng THADS khu vực 8 - Vĩnh Long;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Trần Thị Mỹ Duyên